

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 23/4/2016)
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Bà Đặng Thị Thu Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/4/2016)
Bà Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/4/2016)

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc

3. Các hoạt động chính

Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng,...

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 34.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.



Nguyễn Ngọc Anh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Số: 128/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

A blue ink signature of Lê Đình Huyền.

LÊ ĐÌNH HUYÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		2.268.882.904.266	1.791.611.490.949
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	140.678.996.297	40.836.080.694
1. Tiền	111		44.633.036.147	25.836.080.694
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.045.960.150	15.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		481.945.441.677	617.811.632.171
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.10.1	7.147.698.766	7.561.430.622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.10.1	(4.302.257.089)	(4.850.881.784)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10.2	479.100.000.000	615.101.083.333
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		1.103.287.076.133	957.700.092.170
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	575.573.685.406	464.212.195.272
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	164.170.973.547	3.215.925.902
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	363.542.417.180	493.068.258.806
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	-	(2.796.287.810)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	475.546.571.977	124.938.121.470
1. Hàng tồn kho	141		477.249.521.486	124.938.121.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.702.949.509)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		67.424.818.182	50.325.564.444
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.648.625.148	26.781.760.065
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16b	26.776.193.034	23.543.804.379
B. Tài sản dài hạn	200		627.781.235.372	525.644.660.700
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		3.606.621.510	4.451.630.239
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	29.842.810.932	22.444.662.693
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	72.593.264	72.593.264
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	3.606.621.510	3.582.093.740
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(29.915.404.196)	(21.647.719.458)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		92.173.691.945	100.360.163.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	37.036.879.852	40.178.063.406
- Nguyên giá	222		74.838.328.030	73.851.528.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.801.448.178)	(33.673.464.623)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	19.052.332.677	23.916.758.041
- Nguyên giá	225		38.915.402.909	38.915.402.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.863.070.232)	(14.998.644.868)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	36.084.479.416	36.265.341.692
- Nguyên giá	228		37.028.979.341	37.028.979.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(944.499.925)	(763.637.649)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		524.564.827.951	414.095.356.652
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10.3	553.505.556.172	411.760.680.008
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10.3	57.574.500.000	57.574.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10.3	64.721.110.869	76.970.767.544
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.10.4	(156.236.339.090)	(149.210.590.900)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10.2	5.000.000.000	17.000.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		7.436.093.966	6.737.510.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.727.374.850	1.787.629.404
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	5.708.719.116	4.949.881.266
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.896.664.139.638	2.317.256.151.649



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		2.296.805.589.145	1.764.221.989.012
I. Nợ ngắn hạn	310		2.271.274.107.984	1.732.192.931.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	853.856.189.361	619.187.674.719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	48.274.827.884	16.538.910.261
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	7.843.595.427	2.019.987.481
4. Phải trả người lao động	314		3.353.431.600	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8.540.376.715	4.338.349.648
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		46.108.003.250	3.225.360.840
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	92.633.299.745	78.562.670.437
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.1	1.213.914.267.137	1.008.751.103.051
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.249.883.135)	(431.125.224)
II. Nợ dài hạn	330		25.531.481.161	32.029.057.799
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.2	25.531.481.161	32.029.057.799
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	599.858.550.493	553.034.162.637
I. Vốn chủ sở hữu	410		599.858.550.493	553.034.162.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Cổ phiếu quỹ	415		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		90.377.888.372	90.377.888.372
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.907.774.761	14.083.386.905
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.083.386.905	(3.441.076.833)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.824.387.856	17.524.463.738
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.896.664.139.638	2.317.256.151.649

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Thanh

Nguyễn Thanh Hòa
Người lập biểu

Đỗ Doãn Thành Công



Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh *ay*
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	6.141.792.664.815	6.496.926.120.943
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	547.548.239
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.141.792.664.815	6.496.378.572.704
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	5.991.081.086.800	6.282.897.734.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		150.711.578.015	213.480.838.189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	123.936.559.336	68.500.433.728
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	72.089.143.181	169.640.242.105
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính và lãi nợ chuyển đổi	23		57.352.985.194	71.417.551.148
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	88.762.356.965	68.531.282.663
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	37.612.320.716	36.940.317.572
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76.184.316.489	6.869.429.577
11. Thu nhập khác	31	VI.07	12.437.123.231	24.213.641.200
12. Chi phí khác	32	VI.08	5.082.473.627	5.154.364.493
13. Lợi nhuận khác	40		7.354.649.604	19.059.276.707
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.538.966.093	25.928.706.284
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	7.240.264.185	3.275.472.162
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(758.837.850)	5.128.770.385
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		77.057.539.758	17.524.463.737

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thanh Hòa
 Người lập biểu





Đỗ Doãn Thành Công
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 02 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	83.538.966.093	25.928.706.284
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.681.754.050	9.952.380.693
Các khoản dự phòng	03	13.651.469.932	88.549.047.394
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.567.645.719	2.895.021.087
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(122.578.469.628)	(85.487.661.001)
Chi phí lãi vay	06	57.352.985.194	71.417.551.148
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	49.214.351.360	113.255.045.605
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(193.644.155.152)	97.490.106.272
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(352.311.400.016)	(7.891.224.439)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	307.845.661.624	231.672.249.993
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	60.254.554	60.254.554
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	413.731.856	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(57.331.262.442)	(71.482.433.630)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.762.886.730)	(1.512.585.432)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(721.508.902)	(2.359.726.373)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(248.237.213.848)	359.231.686.550
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.331.794.347)	(32.856.231.334)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	181.824.058	8.255.103.277
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(924.198.916.667)	(1.195.202.166.666)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.225.201.083.333	1.175.653.162.500
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(240.495.219.489)	(25.972.851.600)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	122.442.880.897	52.283.312.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	165.799.857.785	(17.839.671.379)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	5.283.209.072.920	5.532.156.965.301
Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.080.696.038.165)	(6.134.903.707.926)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(6.390.941.964)	(6.259.311.459)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.755.821.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	181.366.271.291	(609.006.054.084)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	98.928.915.228	(267.614.038.913)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.836.080.694	308.224.087.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	914.000.375	226.032.488
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	140.678.996.297	40.836.080.694

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thanh Hào
Người lập biểu

  

Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.
- Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.
- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.
- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 Cổ phần, mệnh giá mỗi Cổ phần là 10.000 đồng, tất cả Cổ phần của Công ty là Cổ phần phổ thông.
- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.
- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2016: 88 người.

7. Danh sách công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Danh sách công ty con và công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
- Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	88,07%	88,07%
- Công ty TNHH LD Ống Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75,00%	75,00%
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
- Công ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	25,00%	25,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.
- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Hợp đồng thuê tài chính

- Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

- Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

- Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm	02 - 20 năm

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,.....

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.829.662.526	2.531.485.816
Tiền gửi ngân hàng	(1.1) 42.803.373.621	23.304.594.878
Các khoản tương đương tiền	(1.2) 96.045.960.150	15.000.000.000
Cộng	140.678.996.297	40.836.080.694

(1.1) Trong đó, bao gồm số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 793,587.45 USD tương đương với 18.022.370.988 đồng.

(1.2) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng, lãi suất 5,4%/năm.

2. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Seasons Avenue	6.000.000.000	23.111.421.267
- Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	2.714.214.690	23.590.564.360
- Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	48.325.130.535	35.497.642.910
- Metalworld Trading Pte Ltd	61.746.389.779	67.777.494.696
- Phải thu các Bên liên quan		
+ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	72.162.723.154	77.979.520.452
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	71.944.093.255	13.211.155.441
+ Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	-	9.131.079.478
+ Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	570.625.000	10.175.292.425
+ Công ty TNHH SMC - SUMMIT	8.534.747.336	14.020.250.112
+ Công ty TNHH SMC TOAMI	33.971.872.005	2.854.376.542
+ Công ty TNHH Liên doanh Ống thép SENDO	-	160.274.071
- Các đối tượng khác	269.603.889.652	186.703.123.518
Cộng	(*) 575.573.685.406	464.212.195.272

b) Dài hạn		
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại SPC	6.367.855.501	6.367.855.501
- Công ty TNHH Xuân Giang	2.838.399.843	2.838.399.843
- Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	3.563.518.010	3.563.518.010
- Công ty TNHH Thép Phú Vinh	2.088.152.734	2.088.152.734
- Công ty TNHH MTV TM Thủy Thành Phát	3.900.000.000	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Number One	4.841.709.230	-
- Các khách hàng khác	6.243.175.614	7.586.736.605
Cộng	(*) 29.842.810.932	22.444.662.693

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 3,383,534.75 USD tương đương 76.840.074.172 đồng và các khoản phải thu dài hạn có gốc ngoại tệ là 12,111.88 USD tương đương 257.329.003 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	21.117.635.165	-
- Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	29.890.256.568	-
- Công Ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	111.911.923.178	-
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	1.251.158.636	3.215.925.902
Cộng	164.170.973.547	3.215.925.902
b) Dài hạn		
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	72.593.264	72.593.264

(*) Trong đó, bao gồm khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 48.804,50 USD tương đương 1.012.518.706 đồng.

4. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, lãi cho vay	11.830.215.465	17.500.134.889
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	-	6.178.003.114
- Phải thu khác các Bên liên quan		
+ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	57.338.794.444	19.651.104.563
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	251.107.454.825	379.765.850.429
+ Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	32.671.964.476	-
+ Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	-	10.230.150.792
+ Công ty TNHH SMC TOAMI	-	105.600.000
+ Công ty TNHH Liên doanh Ống thép SENDO	-	50.630.387.506
- Các khoản tạm ứng	366.200.000	4.728.200.000
- Ký quỹ mua hàng hóa	10.022.257.358	4.072.553.630
- Các khoản phải thu khác	205.530.612	206.273.883
Cộng	363.542.417.180	493.068.258.806
b) Dài hạn		
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính (144,281.00 USD)	3.276.621.510	3.252.093.740
- Ký quỹ thuê xe	330.000.000	330.000.000
Cộng	3.606.621.510	3.582.093.740

5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	25.978.220.999	-	-	-
- Hàng hóa	451.271.300.487	(1.702.949.509)	124.938.121.470	-
Cộng	477.249.521.486	(1.702.949.509)	124.938.121.470	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	-
- Trích lập dự phòng	(1.702.949.509)
- Hoàn nhập dự phòng	-
- Số dư cuối năm	(1.702.949.509)

6. Nợ xấu

	Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu quá hạn từ 01-02 năm	- Công ty TNHH MTV TM Thủy Thành Phát	-	-	5.100.000.000	200.000.000
	- Công ty TNHH ĐT TM SPC	6.367.855.501	-	6.367.855.501	869.536.500
	- Công ty TNHH Xuân Giang	2.838.399.843	-	2.838.399.843	-
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	- Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	3.563.518.010	-	3.563.518.010	-
	- Công ty TNHH Thép Phú Vinh	2.088.152.734	-	2.088.152.734	-
	- Các đối tượng khác	5.985.846.610	-	7.586.736.605	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 03 năm	- Các đối tượng khác	72.593.264	-	72.593.264	-
	- Công ty TNHH XD Number One	4.841.709.230	-	-	-
- Các khoản phải thu dự phòng (100%)	- Công ty TNHH MTV TM Thủy Thành Phát	3.900.000.000	-	-	-
	- Các đối tượng khác	257.329.004	-	692.575.621	346.287.810
Cộng		29.915.404.196	-	23.209.831.578	-

Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

Số dư đầu năm (01/01/2016)	(24.444.007.268)
Trích lập dự phòng	(7.666.547.711)
Hoàn nhập dự phòng	2.195.150.783
Số dư cuối năm (31/12/2016)	(29.915.404.196)

7. Tài sản cố định thuê tài chính (Máy móc thiết bị)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	38.915.402.909	-	-	38.915.402.909
Khấu hao lũy kế	14.998.644.868	4.864.425.364	-	19.863.070.232
Giá trị còn lại	23.916.758.041			19.052.332.677

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	23.815.366.083	-	-	23.815.366.083
Máy móc, thiết bị	21.083.432.937	15.858.256.165	15.790.276.164	21.151.412.938
Phương tiện vận tải	14.543.916.296	1.473.538.182	554.718.182	15.462.736.296
Thiết bị, dụng cụ quản lý	14.408.812.713	-	-	14.408.812.713
Cộng	73.851.528.029	17.331.794.347	16.344.994.346	74.838.328.030
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.670.315.327	836.343.564	-	7.506.658.891
Máy móc, thiết bị	3.670.682.631	1.747.040.261	-	5.417.722.892
Phương tiện vận tải	10.063.789.252	1.808.234.384	508.482.855	11.363.540.781
Thiết bị, dụng cụ quản lý	13.268.677.413	244.848.201	-	13.513.525.614
Cộng	33.673.464.623	4.636.466.410	508.482.855	37.801.448.178
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	17.145.050.756			16.308.707.192
Máy móc, thiết bị	17.412.750.306			15.733.690.046
Phương tiện vận tải	4.480.127.044			4.099.195.515
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.140.135.300			895.287.099
Cộng	40.178.063.406			37.036.879.852

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán và góp vốn.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.588.067.643 đồng. Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 28.480.525.160 đồng đang được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	33.607.900.000	-	-	33.607.900.000
Phần mềm	3.421.079.341	-	-	3.421.079.341
Cộng	37.028.979.341	-	-	37.028.979.341
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	763.637.649	180.862.276	-	944.499.925
Cộng	763.637.649	180.862.276	-	944.499.925
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	33.607.900.000			33.607.900.000
Phần mềm	2.657.441.692			2.476.579.416
Cộng	36.265.341.692			36.084.479.416

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 437.433.816 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Đầu tư vào công ty con	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 31/12/2016
Tên công ty			
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100%	100%	100.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	100%	100%	80.000.000.000
(*) - Công ty TNHH Thép SMC	100%	100%	120.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100%	100%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100%	100%	30.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100%	100%	20.000.000.000
- Công ty CP SMC Hà Nội	88%	88%	41.300.600.000
- Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo	75%	75%	132.204.956.172
Cộng			553.505.556.172

(*) Trong năm 2016, Công ty đã nhận được lợi nhuận chuyển về từ các công ty này bằng tiền là 54.544.599.410 đồng.

c) Đầu tư vào các đơn vị khác

Chứng khoán đã niêm yết	Số lượng		Đơn giá mua	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng
	Cổ phần	Mệnh giá			
- Công ty CP Thép Pomina	1.200.000	10.000	23.417	28.099.960.344	(18.379.960.344)
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM					
(*) - Công ty CP Thép Vicasa	451.070	10.000	24.454	11.030.322.412	(6.925.585.412)
- Công ty CP Thép Nhà Bè	93.700	10.000	15.911	1.490.828.113	(781.519.113)
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.000.000	10.000	10.100	10.100.000.000	(2.800.000.000)
- Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	10.000	10.000	14.000.000.000	(14.000.000.000)
Cộng				64.721.110.869	(42.887.064.869)

(*) Trong năm 2016, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ công ty này bằng tiền là 680.505.000 đồng.

10.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Đầu tư vào công ty con			
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100.000.000.000	(99.052.442.373)	947.557.627
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	30.000.000.000	(53.088.227)	29.946.911.773
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	30.000.000.000	(3.371.705.901)	26.628.294.099
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	20.000.000.000	(10.872.037.720)	9.127.962.280
Đầu tư dài hạn khác			
- Công ty CP Thép Pomina	28.099.960.344	(18.379.960.344)	9.720.000.000
- Công ty CP Thép Vicasa	11.030.322.412	(6.925.585.412)	4.104.737.000
- Công ty CP Thép Nhà Bè	1.490.828.113	(781.519.113)	709.309.000
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	10.100.000.000	(2.800.000.000)	7.300.000.000
- Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Cộng	244.721.110.869	(156.236.339.090)	88.484.771.779

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị tiền thuê đất	(*) 1.727.374.850	1.787.629.404
Cộng	1.727.374.850	1.787.629.404

(*) Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046, có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 là 1.727.374.850 đồng. Công ty đã đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất này.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.983.080.839	4.888.801.454
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(310.423.228)	-
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	36.061.505	61.079.812
Cộng	5.708.719.116	4.949.881.266

13. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	356.929.902.361	356.929.902.361	145.201.859.480	145.201.859.480
- Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	167.399.465.228	167.399.465.228	235.691.308.607	235.691.308.607
- Công ty CP SX Thép Việt Đức	52.870.939.966	52.870.939.966	14.115.826.307	14.115.826.307
- WIN FAITH TRADING LIMITED	31.385.864.392	31.385.864.392	78.059.080.932	78.059.080.932
- BRIGHT RUBY RESOURCES PTE L	-	-	44.374.769.156	44.374.769.156
- Phải trả các bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	-	-	9.612.513.521	9.612.513.521
- Công ty CP SMC Hà Nội	228.060.194	228.060.194	-	-
- Công ty TNHH SMC Summit	84.645.158.015	84.645.158.015	-	-
- Các đối tượng khác	160.396.799.205	160.396.799.205	92.132.316.716	92.132.316.716
Cộng	(*) 853.856.189.361	853.856.189.361	619.187.674.719	619.187.674.719

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 4,162,564.50 tương đương 94.823.219.310 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Thành Lợi	35.000.000.000	-
- Công ty TNHH SMC TOAMI	-	11.431.875.300
- Các khách hàng khác	13.274.827.884	5.107.034.961
Cộng	48.274.827.884	16.538.910.261

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay ngân hàng, lãi thuê tài chính còn phải trả	1.374.833.283	1.353.110.531
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	4.577.063.985	1.917.861.854
- Chi phí phải trả khác	2.588.479.447	1.067.377.263
Cộng	8.540.376.715	4.338.349.648

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	67.234.768.079	67.234.768.079	-
- Thuế TNDN	1.762.886.730	7.240.264.185	1.762.886.730	7.240.264.185
- Thuế TNCN	257.100.751	1.774.179.166	1.427.948.675	603.331.242
- Thuế khác	-	262.399.888	262.399.888	-
Cộng	2.019.987.481	76.511.611.318	70.688.003.372	7.843.595.427
b) Phải thu				
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	23.541.653.407	23.018.064.922	26.252.604.549	26.776.193.034
- Thuế TNCN	2.150.972	2.150.972	-	-
Cộng	23.543.804.379	23.020.215.894	26.252.604.549	26.776.193.034

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	195.924.105	225.645.795
- Cổ tức còn phải trả	14.755.821.500	-
- Phải trả các bên liên quan đến gốc và lãi hỗ trợ vốn		
+ Công ty TNHH Thép SMC	17.227.295.809	4.317.828.152
+ Công ty TNHH SMC Bình Dương	41.756.795.050	-
+ Công ty TNHH SMC Hiệp Phước	10.752.639.776	10.752.639.776
+ Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sento	7.903.236.084	-
+ Công ty TNHH SMC Tân Tạo	-	63.132.628.359
- Các khoản phải trả khác	41.587.421	133.928.355
Cộng	92.633.299.745	78.562.670.437

18. Vay và nợ thuê tài chính

18.1 Ngắn hạn	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- Vietinbank	691.188.229.579	3.778.491.358.428	3.571.763.398.784	897.916.189.223
- Vietcombank	299.887.108.112	1.489.356.552.261	1.491.404.745.594	297.838.914.779
- Vay cá nhân	5.350.000.000	7.930.000.000	11.545.000.000	1.735.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả				
+ Nợ vay dài hạn đến hạn trả	5.883.390.800			11.542.352.640
+ Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.442.374.560			4.881.810.495
Cộng	1.008.751.103.051	5.275.777.910.689	5.074.713.144.378	1.213.914.267.137

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 16.2380137-HĐTDHM/NHCT900-SMC ngày 17/10/2016 với tổng hạn mức là 800 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 02 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016: đối với VNĐ: 5%/năm và đối với USD là từ 1,97% đến 2,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; Bất động sản của bên thứ 3. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **879.916.189.223 đồng**, bao gồm: 855.657.835.176 đồng và 1,855,063.83 USD tương đương 42.258.354.047 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013, các hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 06/10/2016 với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **297.838.914.779 đồng**.

- Các khoản vay **cá nhân** có thời hạn vay 01 năm, lãi suất huy động 6%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

18.2 Dài hạn	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
a) - SHIHAN (Việt Nam)	10.548.720.000	-	3.168.000.000	7.380.720.000
a) - VID Public	22.533.350.700	9.974.656.888	2.814.893.787	29.693.113.801
b) - Nợ thuê tài chính	11.272.752.459	-	6.390.941.964	4.881.810.495
- Nợ dài hạn đến hạn trả				
+ Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(5.883.390.800)			(11.542.352.640)
+ Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(6.442.374.560)			(4.881.810.495)
Cộng	32.029.057.799	9.974.656.888	5.982.893.787	25.531.481.161

(a) Chi tiết khoản vay dài hạn:

- Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HDTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016: 3,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **324,000.00 USD** tương đương 7.380.720.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 144,000.00 USD tương đương 3.280.320.000 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng VID Public Chi nhánh TP.HCM** theo hợp đồng tín dụng số HCM/LC/FL/15/074 ngày 21/7/2015; HCM/LC/FL/15/089 ngày 09/9/2015 và HCM/000048/16 ngày 01/3/2016 với tổng hạn mức là 1,496,705.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất ống thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016: 2,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **1,303,472.95 USD** tương đương 29.693.113.801 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 362,688.00 USD tương đương 8.262.032.640 đồng.

(b) Chi tiết khoản nợ thuê tài chính:

	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015		
	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 31/12/2015	Lãi thuê tài chính đã trả trong năm	Nợ thuê tài chính đã trả trong năm
- Từ 1 năm trở xuống	6.442.374.560	912.483.456	6.259.311.459
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.830.377.899		
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(6.442.374.560)		
Cộng	4.830.377.899	912.483.456	6.259.311.459
	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016		
	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 31/12/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong năm	Nợ thuê tài chính đã trả trong năm
- Từ 1 năm trở xuống	4.881.810.495	526.231.991	6.390.941.964
- Trên 1 năm đến 5 năm	-		
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(4.881.810.495)		
Cộng	-	526.231.991	6.390.941.964

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	Số cuối năm	
	USD	Tương đương VND
+ Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	114,892.21	2.617.244.544
+ Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	99,410.27	2.264.565.951
Cộng	214,302.48	4.881.810.495
+ Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(214,302.48)	(4.881.810.495)
Cộng	-	-

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
- Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
- Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
- Quỹ Đầu tư phát triển	90.377.888.372	-	-	90.377.888.372
- LNST chưa phân phối	(2.108.331.067)	17.524.463.737	1.332.745.765	14.083.386.905
Cộng	536.842.444.665	17.524.463.737	1.332.745.765	553.034.162.637

	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
- Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
- Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
- Quỹ Đầu tư phát triển	90.377.888.372	-	-	90.377.888.372
- LNST chưa phân phối	14.083.386.905	77.057.539.758	30.233.151.902	60.907.774.761
Cộng	553.034.162.637	77.057.539.758	30.233.151.902	599.858.550.493

b) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.518.361	29.518.361
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.518.361	29.518.361
+ Cổ phiếu phổ thông	29.518.361	29.518.361
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(6.718)	(6.718)
+ Cổ phiếu phổ thông	(6.718)	(6.718)
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
+ Cổ phiếu phổ thông	29.511.643	29.511.643
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c) Tính đến 31/12/2016, Công ty đã mua lại 6.718 Cổ phần với giá mua 21.210 đồng/Cổ phần làm cổ phiếu quỹ.		
d) Lợi nhuận chưa phân phối		
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (01/01/2016)	14.083.386.905	
- Lợi nhuận phát sinh trong năm 2016	77.057.539.758	
- Chi cổ tức năm 2016	(29.511.643.000)	
- Chi thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	(721.508.902)	
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm (31/12/2016)	60.907.774.761	
Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	793,587.45	433,260.66
- Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	187.223.826

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	6.089.131.168.423	6.475.966.846.168
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.228.515.135	16.829.040.930
- Doanh thu bán bất động sản	-	4.130.233.845
- Doanh thu xây dựng công trình	36.432.981.257	-
Cộng	6.141.792.664.815	6.496.926.120.943
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	601.186.572.924	502.775.719.312
- Công ty TNHH Thép SMC	31.875.069.506	56.149.459.019
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	592.882.086.612	399.534.674.519
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	49.618.993.545	10.932.469.341
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	476.229.186.917	489.441.957.800
- Công ty TNHH MTV SMC Hà Nội	36.253.675.184	121.266.448.845
- Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	54.969.942.197	755.005.294
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	143.931.390.158	798.657.245.659
- Công ty TNHH SMC TOAMI	122.934.974.037	47.794.139.061
Cộng	2.109.881.891.080	2.427.307.118.850
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	5.957.123.768.176	6.279.308.027.379
- Giá vốn bất động sản đã bán	-	5.337.138.576
- Giá vốn công trình đã thi công	32.254.369.115	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	1.702.949.509	(1.747.431.440)
Cộng	5.991.081.086.800	6.282.897.734.515



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	49.710.578.275	38.547.970.129
- Lãi ký quỹ, lãi cho vay	146.166.367	1.804.048.658
- Lãi ứng vốn	17.168.710.015	20.116.075.749
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.417.426.240	8.032.339.192
- Lãi bán chứng khoán	1.341.626.800	-
- Doanh thu tài chính khác	152.051.639	-
Cộng	123.936.559.336	68.500.433.728
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	50.571.712.261	69.403.710.086
- Chi phí lãi hỗ trợ vốn nhận từ Công ty con	6.781.272.933	2.013.841.062
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	6.477.123.495	78.662.082.087
- Lỗ bán chứng khoán	3.501.083.531	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.757.950.961	17.579.655.370
- Chi phí tài chính khác	-	1.980.953.500
Cộng	72.089.143.181	169.640.242.105
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	9.105.242.415	6.610.875.801
- Chi phí khấu hao TSCĐ	597.803.221	605.507.640
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
+ Chi phí vận chuyển	73.321.265.491	50.214.724.387
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	810.132.161	1.563.420.494
- Chi phí bằng tiền khác		
+ Chi phí hoa hồng bán hàng	2.063.309.004	6.875.217.922
+ Chi phí thuê kho, công tác phí ...	2.864.604.673	2.661.536.419
Cộng	88.762.356.965	68.531.282.663
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	14.244.064.370	8.157.846.228
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	179.376.364	160.545.823
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.219.531.341	4.482.447.689
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.471.396.928	11.634.396.747
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
+ Phí ngân hàng	1.011.747.024	1.229.402.720
+ Phí thanh toán LC	2.552.354.365	4.285.447.934
+ Phí bảo trì, bảo lãnh thanh toán, tiền điện ...	5.618.098.749	4.148.475.241
- Chi phí bằng tiền khác		
+ Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	1.340.000.000	-
+ Công tác phí	416.984.256	674.149.082
+ Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng	530.762.921	529.884.246
+ Chi phí văn phòng phẩm, xăng, xe ...	2.028.004.398	1.637.721.862
Cộng	37.612.320.716	36.940.317.572

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
7. Thu nhập khác		
- Thu do nhượng bán tài sản cố định	135.588.731	272.727.273
- Thu nhập do đánh giá lại tài sản đi góp vốn	-	15.905.982.217
- Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuê tài chính	6.231.363.636	6.225.000.000
- Thu nhập do được hỗ trợ phí	-	729.924.242
- Thu từ nhận bồi thường	1.408.040.260	60.000.000
- Thu nhập từ xử lý công nợ khi giải thể Công ty CP Sao Việt	-	780.000.000
- Thu nhập từ việc được hoàn thuế nhập khẩu	3.963.696.784	-
- Xử lý công nợ	463.217.550	-
- Thu nhập khác	235.216.270	240.007.468
Cộng	12.437.123.231	24.213.641.200
8. Chi phí khác		
- Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính sử dụng cho thuê	4.864.425.364	4.864.425.364
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	67.510.399	-
- Xử lý công nợ	28.291.948	-
- Chi phí khác	122.245.916	289.939.129
Cộng	5.082.473.627	5.154.364.493
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.538.966.093	25.928.706.284
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.631.897.216	12.508.508.622
- Các khoản điều chỉnh giảm	(56.969.542.382)	(8.032.339.192)
- Chuyển lỗ	-	(15.516.365.886)
Thu nhập chịu thuế ước tính	36.201.320.927	14.888.509.828
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	36.201.320.927	16.095.414.559
- Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng BĐS	-	(1.206.904.731)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp ước tính	7.240.264.185	3.275.472.162
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Hoàn nhập (chi phí) dự phòng phải thu khó đòi	(1.094.279.385)	(2.070.687.138)
- Hoàn nhập (chi phí) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	25.018.307	3.785.857.029
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	3.413.600.494
- Lãi chênh lệch tỷ giá	310.423.228	-
Cộng	(758.837.850)	5.128.770.385

7063-C
 CÔNG TY
 KHUYẾT
 TOÁN
 K
 NAM
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	179.376.364	160.545.823
- Chi phí nhân công	23.349.306.785	14.768.722.029
- Chi phí khấu hao	9.681.754.050	5.087.955.329
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.244.326.212	61.441.470.776
- Chi phí khác	17.094.390.746	12.378.509.531
Cộng	173.549.154.157	93.837.203.488

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 55/NQ-HĐQT ngày 22/2/2017, Công ty triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với số lượng là 12.500.000 cổ phiếu với giá chào bán là 18.000 đồng/cổ phiếu.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
- Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải trả khác	(17.227.295.809)
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải trả khác	(41.756.795.050)
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Phải trả khác	(10.752.639.776)
- Công ty TNHH LD Ống Thép SENDO	Công ty con	Phải trả khác	(7.903.236.084)
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Phải thu khác	32.671.964.476
- Công ty TNHH SMC TOAMI	Công ty con	Phải thu	33.971.872.005
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Phải thu	72.162.723.154
		Phải thu khác	57.338.794.444
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	71.944.093.255
		Phải thu khác	251.107.454.825
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Phải thu	570.625.000
		Phải trả người bán	(228.060.194)
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	8.534.747.336
		Phải trả người bán	(84.645.158.015)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
- Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hóa	31.869.069.506
		Cung cấp dịch vụ	6.000.000
		Lãi ứng vốn	425.338.796
		Chi phí lãi ứng vốn	(1.009.611.708)
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hóa	592.468.926.612
		Cung cấp dịch vụ	413.160.000
		Mua hàng hóa	(25.570.287.614)
		Chi phí lãi ứng vốn	(2.901.448.541)
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hóa	476.229.186.917
		Lãi ứng vốn	13.760.656.787
		Mua hàng hóa	(53.033.715.825)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(1.710.982.166)
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hóa	601.174.572.924
		Cung cấp dịch vụ	12.000.000
		Lãi ứng vốn	804.891.694
		Mua hàng hóa	(91.442.287.977)
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Chi phí lãi ứng vốn	(464.204.583)
		Bán hàng hóa	36.253.675.184
		Cho thuê tài chính	6.225.000.000
		Mua hàng hóa	(6.711.909.359)
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Bán hàng hóa	49.618.993.545
		Cho thuê tài chính	3.472.941.180
		Lãi ứng vốn	2.103.656.071
		Mua hàng hóa	(157.491.493.680)
- Công ty TNHH LD Ống Thép SENDO	Công ty con	Chi phí lãi ứng vốn	(785.582.213)
		Bán hàng hóa	54.760.854.197
		Cung cấp dịch vụ	209.088.000
		Lãi ứng vốn	74.166.667
- Công ty TNHH LD Ống Thép SENDO	Công ty con	Mua hàng hóa	(40.916.263.543)
		Chi phí lãi ứng vốn	(1.620.425.888)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(128.570.308)
		Bán hàng hóa	132.375.225.614
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	11.556.164.544
		Mua hàng hóa	(291.349.428.950)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(2.600.050)
		Bán hàng hóa	86.091.496.780
- Công ty TNHH SMC TOAMI	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	36.843.477.257
		Mua hàng hóa	(280.093.710)
Ban Điều hành		Thu nhập	(3.932.539.823)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Cam kết khác

- Công ty cam kết cho thuê 01 dây chuyền máy cắt thép lá và 01 dây chuyền xả băng thép lá đến Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (công ty con) theo hợp đồng thuê mua tài sản máy móc thiết bị số 434/SMC-2012; 435/SMC-2012 ngày 05/11/2012 và các phụ lục:

+ Thời gian thuê: từ ngày 01/11/2012 đến 31/12/2020. Công ty Cổ phần SMC Hà Nội sẽ được toàn quyền sở hữu tài sản tại thời điểm hoàn tất thanh toán toàn bộ giá trị tài sản thuê mua theo hợp đồng.

+ Tiền thuê mua: 6.225.000.000 đồng / năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại tại ngày 01/01 mỗi năm và điều chỉnh (nếu có) bằng phụ lục hợp đồng với mức tăng/giảm tối đa +/-10% tiền thuê mua.

+ Thanh toán tiền thuê: ân hạn 02 tháng kể từ ngày 01/11/2012 và thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

- Tại ngày 31/12/2016, Công ty đã bảo lãnh cho các khoản gốc vay phải trả của các công ty con của Công ty với các Ngân hàng.

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

- Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

- Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
- Tiền gửi ngân hàng	793,587.45	18.022.370.988
- Phải thu khách hàng	3,395,646.63	77.097.403.175
- Ký quỹ	144,281.00	3.276.621.510
Cộng	4,333,515.08	98.396.395.673
Nợ tài chính		
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn	3,696,839.26	84.213.998.343
- Phải trả người bán	4,162,564.50	94.823.219.310
Cộng	28,042,254.19	179.037.217.653
Mức rủi ro tiền tệ	(3,525,888.68)	(80.640.821.980)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính này sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (4.032.041.099) đồng Việt Nam do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

	31/12/2016	Biến động lãi suất 2%
Tài sản có lãi suất		
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	580.145.960.150	11.602.919.203
- Ký quỹ	13.298.878.868	265.977.577
Cộng	593.444.839.018	11.868.896.780
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay	1.239.445.748.298	24.788.914.966
Cộng	1.239.445.748.298	24.788.914.966
Chênh lệch		(12.920.018.186)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (12.920.018.186) đồng.

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.213.914.267.137	25.531.481.161	1.239.445.748.298
- Phải trả người bán	853.856.189.361	-	853.856.189.361
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	101.173.676.460	-	101.173.676.460
Cộng	2.168.944.132.958	25.531.481.161	2.194.475.614.119

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng (thuyết minh tại mục số 8 và 18 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Đơn vị tính: 1.000 đồng	
		Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	3.959.791	-	(2.418.450)	1.541.341	(2.418.450)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn	2.555.000	-	(1.703.500)	851.500	(1.703.500)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	632.908	-	(180.308)	452.601	(180.308)
Tiền gửi có kỳ hạn	479.100.000	-	-	479.100.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	-	-	5.000.000	-
Chứng khoán vốn niêm yết	28.099.960	-	(18.379.960)	9.720.000	(18.379.960)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn	36.621.151	-	(24.507.105)	12.114.046	(24.507.105)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	611.080.056	-	(113.349.274)	497.730.782	(113.349.274)
Cộng	1.167.048.866	-	(160.538.596)	1.006.510.270	(160.538.596)

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 1.106.893.697.643 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2016
Tổng gộp	29.915.404.196
Trừ dự phòng giảm giá trị	<u>(29.915.404.196)</u>
Giá trị thuần của khoản phải thu này	<u>-</u>



Nguyễn Thanh Hào
Người lập biểu



Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2017